

-(으)ㄴ/는 감이 있다

có cảm giác hơi quá...

Một lời phê bình được làm mềm. 감 nghĩa là cảm giác, ấn tượng, và cụm này nêu ra một ấn tượng mà không hoàn toàn khẳng định nó — chính điều đó khiến nó hữu ích trong các cuộc họp.

Cách kết hợp

Tình huống	Dạng	Ví dụ
Tính từ	-(으)ㄴ 감이 있다	이르다 → 이른 감이 있다
Tính từ 하다	-(으)ㄴ 감이 있다	성급한 감이 있다
Từ hay đi kèm	조금, 다소, 약간	다소 이른 감이 있다
Không chỉ có 있	ㄴ 감이 든다	이른 감이 듭니다
Khoảng cách	감 là danh từ	이른 감이 있다
Nhận xét mang tính	phê bình nhẹ	좋은 감이 있다 nghe lạ

Khi nào dùng

Dạng theo hệ thống định ngữ, mặc dù trên thực tế hầu như luôn là tính từ với -(으)ㄴ: 이른 감, 성급한 감, 부족한 감. 감 là danh từ nên được viết cách ra.

Nhận xét mang tính nhẹ nhàng và phê bình — có gì đó hơi không ổn, hơi quá hoặc hơi thiếu: 결정이 조금 이른 감이 있습니다.

Các trạng từ như 조금, 다소, 약간 hầu như luôn đi kèm, củng cố thêm sự rào đón.

Giá trị của nó nằm ở mặt giao tiếp. Bạn nêu lên sự phản đối mà vẫn để lại khoảng trống cho người kia, vì vậy nó là cách nói tiêu chuẩn trong thảo luận chuyên nghiệp.

Ví dụ trong câu

- 1

지금 결정하기에는 조금 이른 감이 있습니다.
Có cảm giác hơi sớm để quyết định bây giờ.
- 2

이번 조치는 다소 성급한 감이 없지 않다.
Biện pháp này có vẻ hơi vội vàng.
- 3

설명이 약간 부족한 감이 있어요.
Phần giải thích có cảm giác hơi sơ sài.
- 4

디자인이 조금 요란한 감이 듭니다.
Tôi thấy thiết kế hơi lòe loẹt một chút.
- 5

직접 만들기에는 시간이 촉박한 감이 있다.
Có cảm giác thời gian để tự làm hơi eo hẹp.
- 6

가격이 다소 높은 감이 있지만 품질은 좋습니다.
Giá có vẻ hơi cao, dù chất lượng thì tốt.

So sánh với

-(으)ㄴ/는 편이다

편이다 đặt điều gì đó trên một thang đo một cách trung tính; 감 이 있다 nêu một lời phản nản nhẹ về vị trí của nó.

가격이 높은 편이에요. (thuộc loại cao) / 가격이 높은 감이 있어요. (có vẻ hơi đắt)

-(으)ㄴ/는 것 같다

것 같다 rào đón mọi loại ấn tượng; 감이 있다 rào đón riêng một lời phê bình.

이른 것 같아요. (tôi nghĩ là sớm) / 이른 감이 있습니다. (có cảm giác hơi sớm)

감이 없지 않다

Phủ định kép làm nó mềm hơn nữa, và thường gặp trong văn viết chuyên nghiệp cần trọng.

성급한 감이 있다. / 성급한 감이 없지 않다.

Lưu ý

- ✗ 디자인이 훌륭한 감이 있습니다.

○ 디자인이 훌륭한 것 같습니다.

감이 있다 nêu một lời phê bình nhẹ. Với lời khen, 것 같다 hoặc câu khẳng định thông thường mới phù hợp.
- ✗ 결정이 조금 이른감이 있습니다.

○ 결정이 조금 이른 감이 있습니다.

감 là danh từ và được viết cách ra sau định ngữ.
- ✗ 이 계획은 완전히 잘못된 감이 있습니다.

○ 이 계획은 재검토가 필요해 보입니다.

Cụm này làm mềm một sự dè dặt nhỏ. Gắn nó với một lời bác bỏ thẳng thừng sẽ khiến sự rào đón nghe như né tránh.